

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THẾ GIỚI SỐ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---o0o---

Số: 04/03-2017/BĐH/DGW

TP.HCM, ngày 27 tháng 03 năm 2017

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh
hợp nhất sau kiểm toán năm 2016

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh

Đầu tiên, Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") xin gửi tới Quý Sở và Quý Ủy ban lời chào trân trọng và hợp tác.

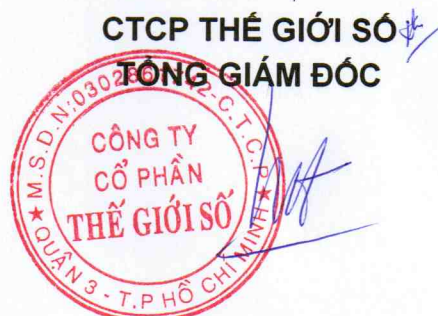
Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2016 của Báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán do Công ty lập ngày 27 tháng 03 năm 2017. Công ty giải trình nguyên nhân một số chỉ tiêu của báo cáo này năm 2016 giảm so với năm 2015 cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	Tăng/ giảm (%)	Nguyên nhân
Lợi nhuận sau thuế	66.727.109.230	103.570.937.437	(35.57%)	- Do sự sụt giảm doanh số bán hàng của nhãn Nokia/Microsoft - Chi phí bán hàng tăng mạnh do Công ty gia tăng đội ngũ chuẩn bị cho việc phát triển kinh doanh trong thời gian tới.

Trân trọng.

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu BĐH.



Đoàn Hồng Việt

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 29

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Đoàn Anh Quân	Thành viên
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Thông	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Thành viên
Bà Phan Ngọc Bích Hằng	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Kiện Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61150429/18590608-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thế Giới Số (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được lập ngày 27 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 29, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1



Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.218.475.787.544	1.171.265.320.514
110	I. Tiền		32.823.139.329	31.668.848.074
111	1. Tiền	4	32.823.139.329	31.668.848.074
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		4.900.000.000	4.900.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	4.900.000.000	4.900.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		360.885.617.856	348.987.791.367
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	326.007.419.444	317.246.505.287
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	9.893.887.776	18.087.773.476
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	33.772.849.639	22.340.055.496
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(8.823.019.883)	(8.690.849.291)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		34.480.880	4.306.399
140	IV. Hàng tồn kho	8	714.275.506.872	669.576.016.876
141	1. Hàng tồn kho		715.840.230.632	669.576.016.876
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.564.723.760)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		105.591.523.487	116.132.664.197
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	3.997.643.556	16.334.943.484
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		101.333.383.483	99.797.720.713
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		260.496.448	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		87.736.112.678	84.243.052.475
210	I. Phải thu dài hạn		2.323.780.000	2.324.220.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	2.323.780.000	2.324.220.000
220	II. Tài sản cố định		84.785.964.920	81.294.875.482
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	27.942.658.327	24.258.940.592
222	Nguyên giá		47.917.186.260	42.176.019.795
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(19.974.527.933)	(17.917.079.203)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	56.843.306.593	57.035.934.890
228	Nguyên giá		58.509.622.898	58.509.622.898
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.666.316.305)	(1.473.688.008)
260	III. Tài sản dài hạn khác		626.367.758	623.956.993
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		626.367.758	623.956.993
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.306.211.900.222	1.255.508.372.989

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		676.633.327.069	646.964.119.066
310	I. Nợ ngắn hạn		672.579.897.190	619.269.346.188
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12.1	275.889.648.880	153.198.530.675
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.2	10.236.510.898	3.962.290.337
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	5.628.886.679	5.872.403.433
314	4. Phải trả người lao động		20.109.595.096	15.787.426.704
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	1.135.201.197	1.871.363.656
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	17.011.020.754	15.670.346.860
320	7. Vay ngắn hạn	16	342.569.033.686	422.906.984.523
330	II. Nợ dài hạn		4.053.429.879	27.694.772.878
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	4.053.429.879	4.794.772.878
338	2. Vay dài hạn	16	-	22.900.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		629.578.573.153	608.544.253.923
410	I. Vốn chủ sở hữu	17.1	629.578.573.153	608.544.253.923
411	1. Vốn cổ phần		306.133.290.000	306.133.290.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		306.133.290.000	306.133.290.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		152.617.941.416	152.617.941.416
415	3. Cổ phiếu quỹ		(6.272.937.166)	(6.272.937.166)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		400.000.000	400.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		176.700.278.903	155.665.959.673
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		109.973.169.673	52.095.022.236
421b	- Lợi nhuận sau thuế năm nay		66.727.109.230	103.570.937.437
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.306.211.900.222.881	1.255.508.372.989

Vũ Thị Mai Hân
Người lập biểu

Võ Xuân Huy
Kế toán trưởng

Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	18.1	3.843.909.468.369	4.246.389.580.916
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(43.836.052.485)	(43.033.836.352)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	18.1	3.800.073.415.884	4.203.355.744.564
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	19	(3.559.311.758.622)	(3.938.889.355.570)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		240.761.657.262	264.466.388.994
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	19.265.855.640	14.114.044.450
22	7. Chi phí tài chính	21	(27.891.556.617)	(40.204.938.068)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	21	(22.795.497.881)	(23.133.793.052)
25	8. Chi phí bán hàng	20	(98.266.813.253)	(64.316.707.240)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(53.825.894.204)	(45.438.871.817)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		80.043.248.828	128.619.916.319
31	11. Thu nhập khác	22	5.939.822.667	6.038.138.573
32	12. Chi phí khác	22	(1.699.883.476)	(1.302.852.583)
40	13. Lợi nhuận khác	22	4.239.939.191	4.735.285.990
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		84.283.188.019	133.355.202.309
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(17.556.078.789)	(29.784.264.872)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		66.727.109.230	103.570.937.437
61	17. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		66.727.109.230	103.570.937.437
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	1.701	2.758
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26	1.701	2.758

Vũ Thị Mai Hân
Người lập biểu

Võ Xuân Huy
Kế toán trưởng

Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		84.283.188.019	133.355.202.309
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	10, 11	4.003.934.985	3.251.675.859
03	Dự phòng		1.696.894.352	2.630.441.487
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		395.913.831	(209.967.963)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(574.266.666)	-
06	Chi phí lãi vay	21	22.795.497.881	23.133.793.052
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		112.601.162.402	162.161.144.744
09	Tăng các khoản phải thu		(13.778.194.126)	(51.556.164.151)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(46.264.213.756)	62.366.928.585
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		142.122.354.587	(127.023.101.157)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		12.334.889.163	(14.905.737.879)
14	Lãi vay đã trả		(23.193.483.167)	(23.689.981.675)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(18.018.613.431)	(36.205.763.301)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		165.803.901.672	(28.852.674.834)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(7.495.024.423)	(1.172.143.160)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		375.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		199.266.666	-
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(6.920.757.757)	(1.172.143.160)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ		-	193.646.400.000
33	Tiền thu từ đi vay		2.691.476.932.074	3.142.464.939.859
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.794.714.882.911)	(3.328.262.461.727)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(54.492.790.000)	(14.632.200.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(157.730.740.837)	(6.783.321.868)

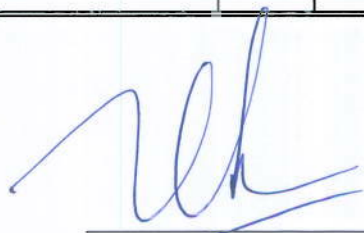
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Luân chuyển tiền trong năm		1.152.403.078	(36.808.139.862)
60	Tiền đầu năm		31.668.848.074	68.267.019.973
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.888.177	209.967.963
70	Tiền cuối năm	4	32.823.139.329	31.668.848.074



Vũ Thị Mai Hân
Người lập biểu



Võ Xuân Huy
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 400 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 344).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 3 công ty con, trong đó:

- *Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture ("DV")*
DV là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313309149 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 6 năm 2015. DV có trụ sở chính tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- *Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology ("DT")*
DT là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313318520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2015. DT có trụ sở chính tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- *Công ty TNHH M360.VN ("M360"), trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Wiko Việt Nam ("WK")*
M360 là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313331063 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 7 năm 2015. M360 có trụ sở chính tại Lầu 10, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
Phần mềm kế toán	6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trong yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Giám đốc đã định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	127.165.372	983.783.096
Tiền gửi ngân hàng	32.695.973.957	30.685.064.978
TỔNG CỘNG	32.823.139.329	31.668.848.074

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Khoản này thể hiện giá trị tiền gửi có kỳ hạn 1 năm vào Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam và hưởng lãi suất 4% một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	45.768.488.070	54.205.289.525
Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim	23.264.833.716	8.814.798.145
Khác	<u>256.974.097.658</u>	<u>254.226.417.617</u>
TỔNG CỘNG	<u>326.007.419.444</u>	<u>317.246.505.287</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(8.823.019.883)</u>	<u>(8.690.849.291)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>317.184.399.561</u>	<u>308.555.655.996</u>

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp một phần phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

6.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
CK Telecom (HongKong) Co., Ltd.	4.480.952.000	-
Công ty TNHH Sức Bật	2.923.408.800	-
Invesia International Limited	-	11.319.444.647
Khác	<u>2.489.526.976</u>	<u>6.768.328.829</u>
TỔNG CỘNG	<u>9.893.887.776</u>	<u>18.087.773.476</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Dragon Technology Distribution Pte. Ltd.	32.874.099.492	-
Tạm ứng cho nhân viên	496.558.805	411.802.147
Vietnam Telecom Services Company	90.097.355	21.063.313.377
Khác	<u>312.093.987</u>	<u>864.939.972</u>
	<u>33.772.849.639</u>	<u>22.340.055.496</u>
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	<u>2.323.780.000</u>	<u>2.324.220.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

8. HÀNG TỒN KHO

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Hàng hóa	540.219.030.384	614.963.940.334
Hàng đang đi trên đường	151.599.749.460	38.895.751.176
Hàng gửi đi bán	22.447.887.398	15.098.173.821
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.573.563.390	618.151.545
TỔNG CỘNG	715.840.230.632	669.576.016.876
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.564.723.760)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	714.275.506.872	669.576.016.876

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí hoạt động	3.158.474.139	14.848.940.279
Công cụ, dụng cụ	839.169.417	1.486.003.205
TỔNG CỘNG	3.997.643.556	16.334.943.484

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	21.183.180.735	2.145.916.525	16.059.938.106	2.786.984.429	42.176.019.795
Mua mới	-	-	7.495.024.423	-	7.495.024.423
Thanh lý	-	-	(1.753.857.958)	-	(1.753.857.958)
Số cuối năm	<u>21.183.180.735</u>	<u>2.145.916.525</u>	<u>21.801.104.571</u>	<u>2.786.984.429</u>	<u>47.917.186.260</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết	-	261.401.632	5.534.279.971	2.439.685.773	8.235.367.376
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(5.388.056.320)	(727.597.616)	(9.082.811.658)	(2.718.613.609)	(17.917.079.203)
Khấu hao trong năm	(853.605.095)	(385.016.155)	(2.530.907.572)	(41.777.866)	(3.811.306.688)
Thanh lý	-	-	1.753.857.958	-	1.753.857.958
Số cuối năm	<u>(6.241.661.415)</u>	<u>(1.112.613.771)</u>	<u>(9.859.861.272)</u>	<u>(2.760.391.475)</u>	<u>(19.974.527.933)</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>15.795.124.415</u>	<u>1.418.318.909</u>	<u>6.977.126.448</u>	<u>68.370.820</u>	<u>24.258.940.592</u>
Số cuối năm	<u>14.941.519.320</u>	<u>1.033.302.754</u>	<u>11.941.243.299</u>	<u>26.592.954</u>	<u>27.942.658.327</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm và cuối năm	56.550.000.000	1.959.622.898	58.509.622.898
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	806.035.023	806.035.023
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	(1.473.688.008)	(1.473.688.008)
Hao mòn trong năm	-	(192.628.297)	(192.628.297)
Số cuối năm	-	(1.666.316.305)	(1.666.316.305)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	56.550.000.000	485.934.890	57.035.934.890
Số cuối năm	56.550.000.000	293.306.593	56.843.306.593

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

12.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dell Global B.V (Singapore Branch)	146.651.917.960	21.831.158.500
Asus Global Pte. Ltd.	51.938.871.042	30.185.973.198
Lenovo (Singapore) Pte. Ltd.	6.273.423.127	43.288.643.718
Khác	71.025.436.751	57.892.755.259
TỔNG CỘNG	275.889.648.880	153.198.530.675

12.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Mega Alliance Holdings Limited	3.916.659.490	-
Vision Best Holdings Limited	3.760.054.645	-
Others	2.559.796.763	3.962.290.337
TỔNG CỘNG	10.236.510.898	3.962.290.337

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.460.325.068	17.556.078.789	(17.758.116.983)	5.258.286.874
Thuế thu nhập cá nhân	309.356.073	5.870.299.473	(5.809.055.741)	370.599.805
Thuế giá trị gia tăng	102.722.292	2.317.008.352	(2.419.730.644)	-
Thuế nhập khẩu	-	1.050.889.394	(1.050.889.394)	-
Khác	-	639.500.000	(639.500.000)	-
TỔNG CỘNG	5.872.403.433	27.433.776.008	(27.677.292.762)	5.628.886.679

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay	478.979.693	876.964.979
Chiết khấu thương mại	-	714.517.936
Chi phí hoạt động	656.221.504	279.880.741
TỔNG CỘNG	1.135.201.197	1.871.363.656

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi trả hộ	14.487.850.303	5.911.338.983
Phải trả Bảo hiểm Xã hội	1.398.035.455	840.826.059
Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 25)	-	8.800.000.000
Khác	1.125.134.996	118.181.818
	17.011.020.754	15.670.346.860
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	3.293.000.000	4.034.342.999
Khác	760.429.879	760.429.879
	4.053.429.879	4.794.772.878

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

16. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	VND Số cuối năm
Ngắn hạn				
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 16.1)	417.306.984.523	2.691.476.932.074	(2.766.214.882.911)	342.569.033.686
Vay dài hạn đến hạn trả	5.600.000.000	-	(5.600.000.000)	-
	<u>422.906.984.523</u>	<u>2.691.476.932.074</u>	<u>(2.771.814.882.911)</u>	<u>342.569.033.686</u>
Dài hạn				
Vay ngân hàng	22.900.000.000	-	(22.900.000.000)	-
TỔNG CỘNG	<u>445.806.984.523</u>	<u>2.691.476.932.074</u>	<u>(2.794.714.882.911)</u>	<u>342.569.033.686</u>

16.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay này nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/năm	VND Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn	132.173.226.790	Từ 24 tháng 3 năm 2017 đến 29 tháng 4 năm 2017	Từ 4,7 đến 5,3	Một phần hàng tồn kho trị giá 100 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 120 tỷ VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1	121.097.349.286	Từ 17 tháng 3 năm 2017 đến 22 tháng 4 năm 2017	Từ 4,7 đến 5	Một phần hàng tồn kho trị giá 120 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 72 tỷ VND
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam	63.298.457.610	Từ 8 tháng 3 năm 2017 đến 29 tháng 3 năm 2017	Từ 4,2 đến 4,85	Tài sản cá nhân của một số cổ đông; một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng trị giá 6 triệu USD
Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh	26.000.000.000	Từ 1 tháng 3 năm 2017 đến 5 tháng 3 năm 2017	Từ 5,3 đến 5,4	Một phần hàng tồn kho trị giá 147 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 74 tỷ VND
	<u>342.569.033.686</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	108.024.690.000	35.549.217.650	(82.850.613.400)	400.000.000	273.635.822.236	334.759.116.486
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	117.068.723.766	76.577.676.234	-	-	193.646.400.000
Phát hành cổ phiếu thường	127.812.000.000	-	-	-	(127.812.000.000)	-
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	70.296.600.000	-	-	-	(70.296.600.000)	-
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(23.432.200.000)	(23.432.200.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	103.570.937.437	103.570.937.437
Số cuối năm	<u>306.133.290.000</u>	<u>152.617.941.416</u>	<u>(6.272.937.166)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>155.665.959.673</u>	<u>608.544.253.923</u>
Năm nay						
Số đầu năm	306.133.290.000	152.617.941.416	(6.272.937.166)	400.000.000	155.665.959.673	608.544.253.923
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(45.692.790.000)	(45.692.790.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	66.727.109.230	66.727.109.230
Số cuối năm	<u>306.133.290.000</u>	<u>152.617.941.416</u>	<u>(6.272.937.166)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>176.700.278.903</u>	<u>629.578.573.153</u>

Vào ngày 9 tháng 12 năm 2016, Công ty thông báo phát hành 9.138.558 cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:3 (mỗi cổ đông nắm giữ 10 cổ phiếu nhận được 3 cổ phiếu phát hành thêm) từ thặng dư vốn cổ phần vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2016 số 02/04-2016/HĐCĐ-DGW ngày 26 tháng 4 năm 2016 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/11-2016/HĐQT-DGW ngày 21 tháng 11 năm 2016. Việc phát hành đã được hoàn thành vào ngày 10 tháng 1 năm 2017, với tổng số cổ phiếu phát hành thêm là 9.138.418 cổ phiếu với giá trị là 91.384.180.000 VND. Vào ngày 6 tháng 2 năm 2017, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 397.517.470.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã trả trong năm		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức đã trả bằng tiền	54.492.790.000	14.632.200.000
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	-	70.296.600.000

17.3 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	30.613.329	30.613.329
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	30.613.329	30.613.329
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.613.329	30.613.329
Cổ phiếu quỹ	(151.469)	(151.469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151.469)	(151.469)
Cổ phiếu đang lưu hành	30.461.860	30.461.860
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.461.860	30.461.860

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu:	3.843.909.468.369	4.246.389.580.916
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	3.829.535.070.334	4.225.296.647.274
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	14.374.398.035	21.092.933.642
Các khoản trừ Doanh thu:	(43.836.052.485)	(43.033.836.352)
DOANH THU THUẦN	3.800.073.415.884	4.203.355.744.564
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	3.785.699.017.849	4.182.262.810.922
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	14.374.398.035	21.092.933.642

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	12.769.934.105	3.880.010.046
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.359.039.009	9.810.935.475
Lãi tiền gửi ngân hàng	908.694.666	423.098.929
Khác	228.187.860	-
TỔNG CỘNG	19.265.855.640	14.114.044.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.555.309.386.192	3.922.406.143.877
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.002.372.430	16.483.211.693
TỔNG CỘNG	<u>3.559.311.758.622</u>	<u>3.938.889.355.570</u>

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	98.266.813.253	64.316.707.240
Chi phí nhân công	54.203.102.705	36.612.092.495
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.527.826.101	14.468.311.047
Khác	36.535.884.447	13.236.303.698
Chi phí quản lý doanh nghiệp	53.825.894.204	45.438.871.817
Chi phí nhân công	29.496.915.336	23.179.698.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.426.128.871	9.512.643.184
Khác	4.902.849.997	12.746.529.643
TỔNG CỘNG	<u>152.092.707.457</u>	<u>109.755.579.057</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay phải trả	22.795.497.881	23.133.793.052
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.509.057.214	10.366.817.004
Chiết khấu thanh toán	297.487.271	6.704.328.012
Khác	289.514.251	-
TỔNG CỘNG	<u>27.891.556.617</u>	<u>40.204.938.068</u>

22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	5.939.822.667	6.038.138.573
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	5.914.881.777	3.543.439.135
Thu từ thanh lý tài sản cố định	24.940.890	2.494.699.438
Khác	-	-
Chi phí khác	(1.699.883.476)	(1.302.852.583)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẬN	<u>4.239.939.191</u>	<u>4.735.285.990</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hóa	3.559.815.014.525	3.947.691.544.180
Chi phí nhân công	83.687.011.532	59.872.524.635
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.463.705.578	23.722.740.756
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	4.003.934.985	3.251.675.859
Chi phí khác	37.434.799.459	15.117.693.665
TỔNG CỘNG	<u>3.711.404.466.079</u>	<u>4.049.656.179.095</u>

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế (năm 2015: 22%).

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.553.971.789	29.004.585.535
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	2.107.000	779.679.337
TỔNG CỘNG	<u>17.556.078.789</u>	<u>29.784.264.872</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	84.283.188.019	133.355.202.309
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	16.856.637.603	29.341.694.113
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm):</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	604.922.235	391.984.941
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(6.805.838)	-
Doanh thu đã tính vào thu nhập chịu thuế của năm trước	-	(779.556.610)
Lỗ của các công ty con	99.217.789	50.463.091
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	2.107.000	779.679.337
TỔNG CỘNG	<u>17.556.078.789</u>	<u>29.784.264.872</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán năm.

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

				VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
Công ty TNHH Created Future	Nhà đầu tư	Cổ tức đã trả	25.960.000.000	-	

Các khoản phải trả bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

					VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>						
Công ty TNHH Created Future	Nhà đầu tư	Cổ tức phải trả	-	<u>8.800.000.000</u>		

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc:

			VND		
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
Lương và thưởng			<u>3.844.176.600</u>	<u>3.664.331.904</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	67.367.648.631	103.570.937.437
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (*)	<u>39.600.278</u>	<u>37.547.252</u>
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	<u>1.701</u>	<u>2.758</u>

(*) Tổng số cổ phiếu lưu hành bình quân cho năm nay và năm trước đã được điều chỉnh do hoàn thành việc phát hành thêm cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu trong tháng 1 năm 2017.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm nay và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

27. CÁC CAM KẾT

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	4.943.407.752	3.157.929.876
Từ 1 đến 5 năm	<u>6.344.203.980</u>	<u>3.744.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>11.287.611.732</u>	<u>6.901.929.876</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

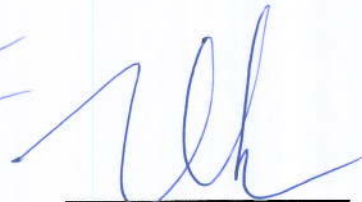
28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 9 tháng 12 năm 2016, theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2016 số 02/04-2016/HĐCĐ-DGW ngày 26 tháng 4 năm 2016 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/11-2016/HĐQT-DGW ngày 21 tháng 11 năm 2016, Công ty thông báo phát hành 9.138.558 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:3 (mỗi cổ đông nắm giữ 10 cổ phiếu nhận được 3 cổ phiếu phát hành thêm) từ thặng dư vốn cổ phần vào ngày 30 tháng 6 năm 2016. Việc phát hành đã được hoàn thành vào ngày 10 tháng 1 năm 2017, với tổng số cổ phiếu phát hành thêm là 9.138.418 cổ phiếu với giá trị là 91.384.180.000 VND. Vào ngày 6 tháng 2 năm 2017, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 397.517.470.000 VND.

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Vũ Thị Mai Hân
Người lập biểu



Võ Xuân Huy
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

